

Số: 104 /KH-THPT LC

Đông Triều, ngày 10 tháng 04 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
ngành giáo dục năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 25/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026 (Kế hoạch số 36-KH/TU); Kế hoạch số 41-KH/ĐU ngày 09/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026 (Kế hoạch số 41-KH/ĐU); Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026 (Kế hoạch số 108/KH-UBND);

Thực hiện Kế hoạch số 1030/KH-SGDĐT ngày 02/4/2026 của Sở GDĐT Quảng Ninh về việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2026; Kế hoạch số 264/KH-THPT LC ngày 09/9/2025 của Trường THPT Lê Chân Thực hiện Kế hoạch số 1295/KH-SGDĐT ngày 16/6/2025 của Sở GDĐT về thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 21/5/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Trường THPT Lê Chân xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2026 tại Kế

hoạch số 36-KH/TU, Kế hoạch số 41-KH/ĐU, Kế hoạch số 108/KH-UBND, Kế hoạch số 1030/KH-SGDĐT.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch số 36-KH/TU, Kế hoạch số 41-KH/ĐU, Kế hoạch số 108/KH-UBND, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh; là điều kiện tiên quyết, thời cơ để đưa tỉnh Quảng Ninh phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

- Xây dựng nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo triển khai nhiệm vụ một cách trọng tâm, hiệu quả, tạo bước đột phá trong quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong ngành giáo dục. Góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong bối cảnh quốc gia đang đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong các lĩnh vực.

- Đảm bảo tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả trên tinh thần “*tu tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào ra việc đấy, làm việc nào dứt việc đó và có sản phẩm cụ thể*”. Phân công nhiệm vụ cụ thể với tinh thần 6 rõ: “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*”, gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu và từng cá nhân liên quan, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, khai thác sử dụng hiệu quả phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin trên cơ sở đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển Chính quyền số, Xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.

- 100% quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục theo hướng cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử được tích hợp trong tài khoản định danh VNeID thay thế giấy tờ thông thường khi thực hiện thủ tục hành chính.

- 100% cán bộ, viên chức xử lý công việc trên môi trường số (không bao gồm các công việc có nội dung mật), sử dụng chữ ký số trong giao dịch hành chính, công việc.

- Đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).

- Tỷ lệ người học, cha mẹ người học hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của nhà trường đạt trên 90%.

2.2. Phát triển xã hội số trong giáo dục

- 100% thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thường xuyên triển khai sử dụng học bạ số.

- Thực hiện tuyển sinh lớp 10 theo hình thức trực tuyến; sử dụng hệ thống quản lý trường học trực tuyến.

- Triển khai sổ sách, sổ điểm thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy.

2.3. Xây dựng trường học số

- 100% cán bộ, giáo viên triển khai dạy học trực tuyến, đảm bảo tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông đạt trung bình 10%.

- 100% cán bộ, giáo viên thực hiện các phương pháp dạy học tích cực, dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp, thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trên nền tảng số.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên có thể ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, dạy học; tăng cường xây dựng nguồn học liệu điện tử, ngân hàng câu hỏi trực tuyến đáp ứng dạy học trực tuyến, nhu cầu tự học, tự rèn luyện của học sinh.

2.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu

- 100% thông tin của học sinh (thông tin cá nhân, kết quả học tập, sức khỏe, thể chất, năng khiếu, ...) được cập nhật đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

- Đảm bảo dữ liệu kết nối liên thông, đồng bộ với Sở GDĐT với Bộ GDĐT, UBND tỉnh, Đề án 06, đáp ứng yêu cầu chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đồng thời cung cấp dữ liệu của học sinh phục vụ phát triển nhân lực, nhân tài cho địa phương, đất nước.

2.5. Phát triển nhân lực số

- 100% học sinh được nâng cao nhận thức, hiểu biết về AI và có thể ứng dụng AI trong học tập.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

2.6. Rà soát, nâng cấp hoàn chỉnh hạ tầng số, thiết bị công nghệ thông tin nhà trường đảm bảo đủ điều kiện để triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nâng cấp hạ tầng số, cơ sở vật chất, thiết bị trong đó chú trọng trang cấp đường truyền Internet tốc độ cao cho khu vực các phòng chức năng và khu nhà thực hành;

- Đảm bảo kinh phí chi cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nhà trường.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phổ biến, quán triệt thường xuyên, sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tạo sự đồng thuận, thống nhất hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra;

2. Tăng cường sử dụng trí tuệ nhân tạo AI, chuyển đổi số trong quản lý giáo dục, dạy học; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại đơn vị;

3. Đảm bảo kinh phí chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm; rà soát, nâng cấp hạ tầng số, thiết bị dạy học đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục của nhà trường, của tỉnh;

4. Khuyến khích học sinh và giáo viên sử dụng công nghệ số, tài liệu điện tử, tài nguyên trực tuyến trong hoạt động quản lý hồ sơ, giảng dạy, học tập; tăng cường xây dựng nguồn học liệu số, thực hiện dạy học theo phương pháp tích cực, nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp trên nền tảng LMS;

5. Khuyến khích học sinh, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tham gia các sân chơi Toán học, Tin học, Công nghệ và các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1: Khởi động – Rà soát (04–05/2026):

- Ban hành kế hoạch.
- Rà soát hiện trạng hạ tầng, năng lực GV.
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá nội bộ.
- Sản phẩm: Báo cáo hiện trạng; Kế hoạch chi tiết các tổ.

2. Giai đoạn 2: Triển khai đồng bộ (06–09/2026):

Nội dung	Thời hạn	Phụ trách
Tập huấn GV	6–7/2026	PHT CM
Xây dựng học liệu số	7–9/2026	Tổ CM
Số hóa hồ sơ	6–8/2026	Văn phòng
Triển khai LMS	8–9/2026	Tổ CNTT

3. Giai đoạn 3: Tăng tốc – Đánh giá giữa kỳ (10–12/2026)

Nội dung	Thời hạn	Kết quả
Kiểm tra việc ứng dụng CNTT	10/2026	Báo cáo
Tổ chức chuyên đề đổi mới	11/2026	≥ 3 chuyên đề
Sơ kết	12/2026	Báo cáo sơ kết

4. Giai đoạn 4: Hoàn thiện – Tổng kết (01–03/2027)

- Đánh giá mức độ đạt chỉ tiêu;
- Tổng kết, khen thưởng;
- Đề xuất kế hoạch năm sau.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường

- Xây dựng, triển khai kế hoạch đến toàn thể các tổ chức, cá nhân trong nhà trường.

- Phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, đảm bảo: **rõ người, rõ việc, rõ thời gian và rõ kết quả**.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ chức, cá nhân trong nhà trường;

- Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về Sở GDĐT.

2. Đoàn thanh niên, tổ chuyên môn, tổ văn phòng

- Căn cứ kế hoạch này, theo chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế cụ thể hóa kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ.

- Tích cực chỉ đạo tổ chức thực hiện chuyển đổi số có hiệu quả thiết thực.

- Tham mưu lãnh đạo để phát huy các nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục.

- Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số khi có yêu cầu.

3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng về năng lực số;

- Trang bị các thiết bị cá nhân cần thiết, đường truyền internet đáp ứng thực hiện yêu cầu của chuyển đổi số trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và học tập;

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, công tác dạy và học trên nền tảng SMAS, OLM.

- Giáo viên tích cực xây dựng và khai thác ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra và học liệu số. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng AI trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học.

- Học sinh tích cực khai thác các nguồn học liệu số trực tuyến trong quá trình tự học. Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao thường xuyên trên nền tảng giáo dục số OLM. Tham gia các cuộc thi trực tuyến; các hội thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, khởi nghiệp; sân chơi Toán học, Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số của trường THPT Lê Chân năm 2026. Đề nghị các tổ chức cá nhân nghiêm túc tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về lãnh đạo nhà trường để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- HT, các PHT;
- ĐTN; Tổ CM; Tổ VP;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Liêm

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN NĂM 2026

STT	Chỉ tiêu	Tỉ lệ	Đơn vị chủ trì/theo dõi tiến độ
1	Phát triển dữ liệu ngành giáo dục		
1.1	Tỉ lệ thông tin của học sinh (thông tin cá nhân, kết quả học tập, sức khỏe, thể chất, năng khiếu,...) được cập nhật đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo yêu cầu của Bộ GDĐT.	100%	Phạm Bằng Việt Hoàng Đức Minh
2	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, quản trị		
2.1	Tỉ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường số và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc.	100%	Ngô Thị Liêm Phạm Bằng Việt
2.2	Tỉ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến	≥ 90%	Nguyễn Hồng Điệp
2.3	Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	100%	Bùi Tô Uyên
2.4	Thực hiện tuyển sinh lớp 10 theo hình thức trực tuyến; Triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ số; Sử dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản lý giáo dục và phân tích, tối ưu hóa quy trình ra quyết định, kế hoạch.	100%	Ngô Thị Liêm Phạm Bằng Việt Hoàng Đức Minh Vũ Duy Huân
3	Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong dạy học		

3.1	Thực hiện các phương pháp dạy học tích cực, kiểm tra, đánh giá trực tuyến trên nền tảng số, nền tảng OLM.	100%	Phạm Bằng Việt Tổ trưởng CM
3.2	Tổ chức các hoạt động nghiên cứu STEM, tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp cơ sở, cấp cụm.	100%	Nguyễn Mạnh Thắng
3.3	Tỉ lệ triển khai dạy học trực tuyến, đảm bảo tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông đạt tối thiểu 10% đối với cấp trung học.	100%	Phạm Bằng Việt Tổ trưởng CM
3.4	Tỉ lệ giáo viên, giảng viên sử dụng AI để hỗ trợ giảng dạy và đánh giá học sinh; giáo viên có thể thiết kế nội dung dạy học dựa trên AI, tích hợp AI trong bài giảng số.	70%	Phạm Bằng Việt Tổ trưởng CM; Giáo viên
4	Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số		
4.1	Tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo, năng lực số trong quản lý, quản trị và dạy học.	100%	Ngô Thị Liêm
4.2	Tỉ lệ giáo viên được bồi dưỡng, phát triển năng lực thiết kế bài giảng, năng lực dạy học STEM/STEAM.	100%	Ngô Thị Liêm Phạm Bằng Việt
4.3	Tỉ lệ học sinh được phát triển năng lực số theo Khung năng lực số của Bộ GDĐT.	100%	Phạm Bằng Việt ĐTN; Giáo viên
5	Đẩy mạnh phong trào chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong nhà trường		
5.1	Tỉ lệ viết sáng kiến kinh nghiệm, trong đó có sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp cơ sở.	30%	Ngô Thị Liêm Phạm Bằng Việt
5.2	Tỉ lệ phát động phong trào Bình dân học vụ số và phong trào thi đua về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục;	100%	Ngô Thị Liêm Phạm Bằng Việt

5.3	Được công nhận mức độ chuyển đổi số mức độ 2 trở lên.		Ngô Thị Liêm Phạm Bằng Việt
6	Rà soát, nâng cấp hoàn chỉnh hạ tầng số, thiết bị công nghệ thông tin nhà trường đảm bảo đủ điều kiện để triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
6.1	Được đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, cơ sở vật chất, thiết bị trong đó chú trọng trang cấp đường truyền Internet tốc độ cao các phòng làm việc chức năng và khu nhà thực hành.	100%	Nguyễn Mạnh Thắng
6.2	Đảm bảo kinh phí chi cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nhà trường.		Ngô Thị Liêm Bùi Tố Uyên

PHỤ LỤC 02

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026**

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Tiếp tục nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo khí thế mới trong toàn ngành về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1.1	Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, quán triệt thường xuyên, sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục về Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tạo sự đồng thuận, thống nhất hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra	BLĐ	Đoàn TN, các tổ CM, tổ VP	Tháng 4/2026
1.2	Thực hiện hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và phong trào thi đua toàn ngành về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo khí thế đến từng cán bộ, giáo viên, học sinh và gia đình; tạo hiệu ứng lan tỏa, tạo động lực truyền cảm hứng, phát huy sự tham gia tích cực của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số.	BLĐ	Đoàn TN, TTCM, GVCN, GVBM	Tháng 4/2026

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1.3	Thúc đẩy phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục và học sinh. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số góp phần hình thành công dân số	BLĐ	Đoàn TN, TTCM, GVCN, GVBM	Tháng 4/2026
2	Tăng cường chuyển đổi số trong quản lý, quản trị trường học; phát triển chính quyền số, dữ liệu ngành giáo dục			
2.1	Đẩy mạnh việc thực hiện công việc trên môi trường số, ký số toàn trình trên Hệ thống chính quyền điện tử. Rà soát, hoàn thành việc đăng ký chữ ký số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn trường.	Phạm Bằng Việt	CNTT	Thường xuyên
2.2	Thực hiện số hoá hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục triển khai, sử dụng số điểm điện tử, học bạ số, phòng họp trực tuyến.	BLĐ	Tổ VP; các tổ CM	Thường xuyên
2.3	Thường xuyên rà soát, đề xuất cắt giảm tối đa và đơn giản hoá thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện nhằm cắt giảm chi phí, thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính. Kiểm soát chặt chẽ việc công bố thủ tục hành chính và xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.	Ngô Thị Liêm	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Thường xuyên
2.4	Triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ: (1) Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Ngô Thị Liêm	Tổ VP; Vũ Duy Huân Bùi Tố Uyên	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	<p>trực tuyến và Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ toàn trình; (2) Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình; (3) Đẩy mạnh thanh toán các khoản thu bằng hình thức trực tuyến, không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.</p>			
2.5	<p>Tiếp tục triển khai thuê dịch vụ và triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến tích hợp tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo “<i>đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung</i>”, trong đó chú trọng: (1) Dữ liệu cán bộ công chức, viên chức trên Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức trên Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh; (2) Thông tin trường lớp, cơ sở vật chất, phòng học trên cơ sở dữ liệu ngành; (3) Dữ liệu của học sinh về sức khoẻ, thể chất, sở trường, ...; (4) Dữ liệu văn bằng, chứng chỉ người học. Đảm bảo dữ liệu kết nối liên thông, đồng bộ với dữ liệu ngành của Bộ GDĐT, dữ liệu dùng chung của tỉnh và dữ liệu quốc gia về dân cư.</p>	Ngô Thị Liêm	Tổ VP CNTT	Thường xuyên
2.6	<p>Ứng dụng có hiệu quả chuyên đổi số, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, quản trị trường học, tối ưu hoá quy trình ra quyết định, kế hoạch.</p>	Ngô Thị Liêm	Đoàn TN, các tổ CM, tổ VP	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học			

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
3.1	Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, thiết kế bài giảng, nâng cao chất lượng chuyên môn trong dạy và học các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, tăng cường ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR).	Phạm Bằng Việt	Các tổ CM	Thường xuyên
3.2	Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến trên nền tảng LMS, đảm bảo tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông đạt trung bình 10%.	Phạm Bằng Việt	Các tổ CM	Thường xuyên
3.3	Xây dựng kho học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn ngành, khuyến khích giáo viên, học sinh sử dụng nguồn học liệu số, thư viện điện tử nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên nền tảng số.	Phạm Bằng Việt	Các tổ CM	Thường xuyên
3.4	Phát triển năng lực tự học, sáng tạo của học sinh thông qua các nền tảng học trực tuyến, nguồn học liệu điện tử đáp ứng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng vào chương trình giảng dạy để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.	Phạm Bằng Việt	Các tổ CM	Thường xuyên
3.5	Tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt Tiếng Anh trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.	Phạm Bằng Việt	Các tổ CM GV tiếng Anh	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, các cuộc thi, hội thi về khoa học và công nghệ			
4.1	Đẩy mạnh phong trào, nâng cao chất lượng chuyên môn Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật các cấp dành cho học sinh trung học phổ thông, nâng cao chất lượng giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông.	Nguyễn Mạnh Thắng	Các tổ CM	Tháng 5/2026
4.2	Khuyến khích học sinh tham gia sân chơi Toán học, Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ. Thông qua các cuộc thi, hội thi, phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng lực công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.	Phạm Bằng Việt	Các tổ CM	Thường xuyên
4.3	Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn và trong tỉnh.	BLĐ	Các tổ CM	Thường xuyên
5	Đổi mới sáng tạo trong nhà trường, thúc đẩy tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp cho học sinh			
5.1	Đẩy mạnh phong trào, nâng cao chất lượng chuyên môn trong công tác nghiên cứu khoa học nhằm góp phần phát triển sức sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức, các phương pháp nghiên cứu khoa học, tăng cường sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Phân đấu hằng năm, nhà trường có ít nhất 02 đề tài/sáng kiến được công nhận cấp cơ sở.	Nguyễn Mạnh Thắng	Đoàn TN Các tổ CM	Thường xuyên
5.2	Tập trung tạo nguồn đào tạo nhân lực STEM gắn với giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp từ giáo dục phổ thông.	Nguyễn Mạnh Thắng	Đoàn TN Các tổ CM	Tháng 3/2026

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
5.3	Lồng ghép, tích hợp nội dung hướng nghiệp vào trong hoạt động giáo dục: (1) Mời chuyên gia, doanh nghiệp, cựu học sinh thành công để chia sẻ kinh nghiệm làm việc, yêu cầu công việc trong từng ngành nghề; (2) Các buổi hội thảo về xu hướng nghề nghiệp giúp học sinh hiểu về thị trường lao động, ngành nghề đang phát triển mạnh, ngành nghề cần nguồn nhân lực cao; (3) Định hướng tư vấn nghề nghiệp theo nhóm ngành phù hợp với từng đối tượng học sinh.	Nguyễn Mạnh Thắng	Đoàn TN Các tổ CM	Thường xuyên
6	Tập huấn bồi dưỡng năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, năng lực dạy học STEM cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh			
6.1	Thực hiện tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyên đổi số quốc gia theo kế hoạch của Sở GDĐT, của UBND tỉnh.	Ngô Thị Liêm	Các tổ CM	Thường xuyên
6.2	Tổ chức các hoạt động tập huấn về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành, quản trị trường học.	Ngô Thị Liêm	Các tổ CM Tổ VP	Thường xuyên
6.3	Tiếp tục nâng cao năng lực để phát triển các chỉ số thành phần trong Khung năng lực số dành cho người học quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT.	Ngô Thị Liêm	Các tổ CM Tổ VP	Thường xuyên
6.4	Tổ chức chương trình bồi dưỡng giáo viên về giáo dục STEM.	Ngô Thị Liêm	Các tổ CM	Tháng

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
6.5	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong vận hành, khai thác hiệu quả các hệ thống dữ liệu và nền tảng số; năng lực của nhân viên phụ trách thiết bị, hạ tầng số.	Ngô Thị Liêm	Các tổ CM Tổ VP	Thường xuyên
7	Đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ngành giáo dục			
7.1	Tổ chức triển khai áp dụng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.	Ngô Thị Liêm	Các tổ CM Tổ VP	Tháng 05/2026
7.2	Định kỳ cuối năm, thực hiện rà soát, khen thưởng, tuyên dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ngành giáo dục.	BLĐ	Đoàn TN Các tổ CM Tổ VP	Tháng
8	Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư hạ tầng số, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nhà trường			
8.1	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu về an toàn, bảo mật, tốc độ cao phục vụ chuyển đổi số trong nhà trường và quản lý hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ bảo mật trong lưu trữ và chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin theo tiêu chuẩn quốc gia.	Ngô Thị Liêm	Nguyễn Mạnh Thắng; Bùi Tố Uyên	Thường xuyên